

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình : KẾ TOÁN
Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC
Ngành đào tạo: KẾ TOÁN (Accounting)
Mã ngành: 52340301
Hình thức đào tạo: Chính quy
(Ban hành theo Quyết định số: ngày tháng năm 201... của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh)

- 1. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:** 4 năm
- 2. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:** Tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương)
- 3. THANG ĐIỂM, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**
 - Thang điểm: 10
 - Quy trình đào tạo: theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo)
 - Điều kiện tốt nghiệp:
 - + Điều kiện chung: theo qui chế ban hành theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT

4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ đại học đào tạo cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế toán, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trang bị cho người học nắm vững kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành; có khả năng giao tiếp bằng Anh ngữ thông thường và chuyên ngành khá tốt; được trang bị các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành Kế toán – Tài chính.

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán ngoài việc thích ứng với vị trí kế toán ở tất cả các loại hình công ty kinh doanh trong tất cả các lĩnh vực, trợ lý kiểm toán tại các công ty kiểm toán, làm việc tại các phòng kinh doanh, phòng tín dụng, phòng tài chính ở ngân hàng với vị trí nhân viên hoặc quản lý.

CHUẨN ĐẦU RA

1. KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN CHUYÊN NGÀNH

1.1. KIẾN THỨC KHOA HỌC CƠ BẢN:

- 1.1.1. Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo; có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

- 1.1.2. Có kiến thức cơ bản về toán học và khoa học tự nhiên, đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;
- 1.1.3. Có kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn, vận dụng thành thạo các kỹ năng cần thiết trong quá trình học tập và làm việc sau này như: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng giải quyết vấn đề,...

1.2. KIẾN THỨC NỀN TẢNG CHUYÊN NGÀNH CỐT LÕI:

- 1.2.1. Kiến thức về những nguyên lý cơ bản để phân tích hoạt động trong nền kinh tế, nắm bắt được các vấn đề chính sách liên quan đến hoạt động tổng thể của nền kinh tế từ đó đưa ra những giải pháp nhằm đạt mục tiêu của tổ chức.
- 1.2.2. Kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp, marketing, luật kinh tế giúp người lãnh đạo đưa ra các quyết định nhằm đạt mục tiêu của tổ chức.
- 1.2.3. Kiến thức cơ bản về toán kinh tế: xác suất thống kê, quy hoạch tuyến tính,... vận dụng xây dựng các bài toán quy hoạch tuyến tính giải quyết các tình huống thực tế trong kinh doanh đưa ra các phương án sản xuất tối ưu cho doanh nghiệp.
- 1.2.4. Kiến thức về xây dựng, ước lượng, kiểm định các mô hình kinh tế lượng vận dụng trong phân tích, dự báo kinh tế, tài chính.
- 1.2.5. Kiến thức cơ bản về kinh doanh quốc tế cũng như đầu tư quốc tế nắm được các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội cũng như thách thức trong xu hướng toàn cầu hóa hiện nay cũng như những quy định và tầm quan trọng của đầu tư quốc tế trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.
- 1.2.6. Kiến thức cơ bản về lý thuyết Kế toán: các khái niệm, bản chất, chức năng, đối tượng, mục đích và yêu cầu kế toán, phương pháp kế toán, quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán, trình tự kế toán, các quá trình kinh doanh chủ yếu, các hình thức kế toán, nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán cũng như lập và diễn dịch các báo cáo tài chính.
- 1.2.7. Kiến thức về công tác tổ chức bộ máy kế toán trong các loại hình doanh nghiệp (sản xuất, thương mại, hành chính sự nghiệp, ngân hàng,...) cũng như kỹ năng xử lý số liệu kế toán của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tổ chức.
- 1.2.8. Kiến thức cơ bản về anh văn chuyên ngành kinh tế cũng như các kỹ năng viết, nói và đọc hiểu các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kinh doanh.
- 1.2.9. Kiến thức cơ bản về tài chính tiền tệ nói chung và tài chính doanh nghiệp nói riêng xây dựng tư duy mới về tài chính tiền tệ cũng như tài chính doanh nghiệp để tiếp cận, triển khai các chủ trương, đường lối chính sách kinh tế trong thực tiễn.
- 1.2.10. Kiến thức cơ bản về việc vận dụng các công cụ toán vào nghiệp vụ tài chính để thực hiện định giá các công cụ tài chính, phân tích các dự án, lựa chọn dự án đầu tư giúp cho nhà quản lý có được quyết định đúng đắn trong kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế cao.

1.3. KIẾN THỨC NỀN TẢNG CHUYÊN NGÀNH NÂNG CAO:

- 1.3.1. Kiến thức về hoạt động của các định chế tài chính trung gian trong nền kinh tế đặc biệt là Ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán,... như các nghiệp vụ huy động vốn, cho vay, bảo lãnh phát hành, tài trợ xuất nhập khẩu, cho thuê tài chính và các dịch vụ thanh toán...

- 1.3.2. Kiến thức nâng cao về kế toán, phân tích tài chính như: lập, trình bày và phân tích báo cáo tài chính của các loại hình doanh nghiệp, đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- 1.3.3. Kiến thức phục vụ cho công tác nghiên cứu, phân tích, vận dụng linh hoạt các chính sách thuế trong thực tế hoạt động kinh doanh của tổ chức.
- 1.3.4. Kiến thức mang tính hệ thống về hoạt động kiểm toán đặc biệt là kiểm toán báo cáo tài chính.
- 1.3.5. Kiến thức nâng cao về hoạt động tổ chức quản lý tài chính doanh nghiệp như các kỹ năng phân tích và dự báo tài chính doanh nghiệp, lựa chọn dự án đầu tư về mặt tài chính, hoạch định chính sách tài trợ, chính sách đầu tư và chính sách phân phối sử dụng lợi nhuận sau thuế cũng như xác lập và hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính doanh nghiệp nhằm đạt các mục tiêu hoạt động của tổ chức.
- 1.3.6. Kiến thức mang tính hệ thống về công tác kế toán quản trị trong doanh nghiệp từ việc phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận, lập dự toán, phân tích biến động chi phí, định giá bán sản phẩm đến việc đánh giá trách nhiệm quản lý, phân bổ chi phí cho các bộ phận phục vụ giúp các nhà quản trị cấp cao ra các quyết định liên quan trong ngắn hạn và dài hạn.
- 1.3.7. Kiến thức về kỹ năng thực hành cần thiết về thiết lập bảng tính lương, tính giá thành, xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên phần mềm kế toán, thực hành khai báo thuế, thanh toán quốc tế, đầu tư chứng khoán, phân tích chứng khoán, kinh doanh ngoại hối... trong tổ chức.

2. KỸ NĂNG VÀ TỐ CHẤT CÁ NHÂN CHUYÊN NGHIỆP

2.1. LẬP LUẬN CHUYÊN NGÀNH VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

- 2.1.1. Nhận diện các tình huống kinh tế, đưa ra kế hoạch dự kiến xử lý (phân tích định tính, thử nghiệm và xem xét các yếu tố bất định)
- 2.1.2. Nhận diện được các giả thiết để đơn giản hóa các tình huống kinh tế phức tạp, lựa chọn được các mô hình ý niệm và định tính;
- 2.1.3. Giải thích được mức độ quan trọng, giới hạn và khuynh hướng; xác định được các phép kiểm tra về tính đồng nhất và sai số.
- 2.1.4. Giải thích được các mô hình hồi quy, xác suất và thống kê các sự kiện và trình tự, tính toán được chi phí - lợi ích kinh tế và phân tích rủi ro;
- 2.1.5. Giải thích được các lời giải cho bài toán đặt ra, đưa ra được các đề xuất tóm lược;

2.2. THỬ NGHIỆM VÀ KHÁM PHÁ TRI THỨC

- 2.2.1. Xây dựng bảng câu hỏi liên quan đến vấn đề nghiên cứu, xác định mẫu và cỡ mẫu cần điều tra, khảo sát.
- 2.2.2. Tiến hành điều tra, khảo sát, phân tích kết quả đạt được.
- 2.2.3. Lựa chọn chiến lược nghiên cứu tài liệu, tận dụng việc tra cứu và xác định thông tin bằng cách sử dụng các công cụ thư viện (tài liệu trên mạng, các cơ sở dữ liệu, công cụ tìm kiếm); xác định chất lượng và độ tin cậy của thông tin, chỉ ra những nội dung chính yếu và điểm mới hàm chứa trong thông tin, chỉ ra những trích dẫn về tài liệu tham khảo.
- 2.2.4. Nhận ra ý tưởng và chiến lược thực nghiệm, mô tả được quá trình xây dựng thực nghiệm, liệt kê các thủ tục tiến hành thực nghiệm và bước kiểm tra, thu thập và phân tích dữ liệu.

- 2.2.5. Thảo luận tính hợp lý của dữ liệu thống kê, những giới hạn của dữ liệu được sử dụng, giải thích các kết luận được chứng minh bởi dữ liệu, các nhu cầu và giá trị.

2.3. SUY NGHĨ TÂM HỆ THỐNG

- 2.3.1. Xác định và định nghĩa một hệ thống, sự ứng xử và các thành phần của nó; sử dụng những phương pháp tiếp cận liên ngành để đảm bảo rằng hệ thống được hiểu từ mọi phía có liên quan; liên hệ bối cảnh xã hội, doanh nghiệp, và kỹ thuật của hệ thống; xác định những sự tương tác bên ngoài lên hệ thống và ứng xử của hệ thống.
- 2.3.2. Áp dụng những khái niệm tóm tắt cần thiết để định nghĩa và lập mô hình hệ thống, xác định các đặc tính vận hành và chức năng phát sinh từ hệ thống, nhận thức được sự thích nghi với những biến đổi theo thời gian.
- 2.3.3. Xác định và phân loại tất cả các nhân tố liên quan đến toàn bộ hệ thống; phân tích các sự phân bổ nguồn lực để giải quyết các vấn đề chính; phân tích ưu nhược điểm và chọn giải pháp cân bằng; lựa chọn và sử dụng các phương pháp cân bằng nhiều yếu tố khác nhau; giải quyết các mâu thuẫn và tối ưu hóa toàn bộ hệ thống; đánh giá những cải tiến có thể đạt được trong quá trình suy nghĩ tâm hệ thống.

2.4. KỸ NĂNG VÀ THÁI ĐỘ CÁ NHÂN

- 2.4.1. Xác định được các phương pháp và hoạch định thời gian cho việc đề xuất đề án; phân tích được các lợi điểm, các rủi ro tiềm năng và kết quả đạt được của một hành động.
- 2.4.2. Thể hiện sự tự tin, lòng nhiệt tình, niềm đam mê, sự thích nghi đối với sự thay đổi, sự sẵn sàng và khả năng làm việc độc lập, sự sẵn sàng làm việc với người khác, biết xem xét và chấp nhận các quan điểm khác.
- 2.4.3. Thể hiện khả năng tổng hợp và tổng quát hóa về một vấn đề, trình bày được vấn đề trong bối cảnh xã hội và công nghệ.
- 2.4.4. Lựa chọn được những lý lẽ và các giải pháp logic, đánh giá chứng cứ hỗ trợ, kiểm tra các giả thuyết và kết luận.
- 2.4.5. Mô tả các kỹ năng, mối quan tâm, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân; thảo luận về giới hạn những khả năng, trách nhiệm và cho sự vươn lên của bản thân để khắc phục những điểm yếu quan trọng.
- 2.4.6. Thảo luận động cơ tự học liên tục, ham tìm hiểu thể hiện các kỹ năng tự học hỏi.
- 2.4.7. Thảo luận việc sắp xếp công việc/ nhiệm vụ theo thứ tự ưu tiên; sắp xếp tầm quan trọng và tính cấp bách của các công việc/ nhiệm vụ và lên kế hoạch về thời gian và nguồn lực thực hiện một cách hiệu quả nhất.

2.5. KỸ NĂNG VÀ THÁI ĐỘ NGHỀ NGHIỆP

- 2.5.1. Thể hiện đúng đạo đức nghề nghiệp của ngành nghề mình theo đuổi, nhận thức được vị trí, vai trò tầm quan trọng của các tiêu chuẩn và nguyên tắc về đạo đức của mình, có thái độ đúng mực với những sai lầm của mình.
- 2.5.2. Luôn xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp trong công việc và ứng xử hàng ngày tạo một phong cách làm việc chuyên nghiệp.
- 2.5.3. Chủ động lên kế hoạch phát triển nghề nghiệp cho bản thân.
- 2.5.4. Luôn luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực chuyên ngành của mình để có thái độ ứng xử cũng như xử lý những thay đổi, cập nhật mới một cách phù hợp, hiệu quả.

3. KỸ NĂNG GIAO TIẾP

3.1. LÀM VIỆC THEO NHÓM

- 3.1.1. Hiểu/giải thích các giai đoạn của việc thành lập nhóm và vòng đời của nhóm; tóm tắt nhiệm vụ và các quy trình hoạt động nhóm; xác định các vai trò và trách nhiệm

của các thành viên trong nhóm; giải thích các mục tiêu, nhu cầu, và đặc tính (cách làm việc, sự khác biệt về văn hóa) của từng cá nhân thành viên trong nhóm; làm rõ các điểm mạnh và điểm yếu của nhóm; chỉ ra các quy tắc liên quan đến tính bảo mật, bổn phận của từng thành viên trong nhóm.

- 3.1.2. Khái quát các mục tiêu và công việc cần làm, đưa ra kế hoạch và tạo điều kiện cho các cuộc họp nhóm có hiệu quả; xác định các nguyên tắc của nhóm, lập kế hoạch, lên chương trình và thực hiện một đề án, đưa ra các giải pháp cho các vấn đề (tính sáng tạo và đưa ra quyết định).
- 3.1.3. Xác định các chiến lược cho sự phản hồi, đánh giá, và tự đánh giá; xác định các kỹ năng cho sự duy trì và phát triển nhóm, các kỹ năng cho sự phát triển cá nhân trong phạm vi nhóm, giải thích các chiến lược cho việc giao tiếp cũng như phát triển nhóm (nếu có).
- 3.1.4. Xác định các mục tiêu của nhóm, mô tả các kiểu lãnh đạo và hỗ trợ (chỉ dẫn, huấn luyện, hỗ trợ, phân nhiệm), làm rõ các phương pháp để động viên (ví dụ, khích lệ, sự công nhận, ...), mô tả khả năng hướng dẫn và cố vấn;
- 3.1.5. Lựa chọn các thành viên phù hợp để thành lập nhóm, đề ra nguyên tắc hoạt động và nội quy cũng như mục tiêu của nhóm.
- 3.1.6. Thực hành làm việc trong nhiều loại nhóm khác nhau (nhóm trong ngành, liên ngành,...).

3.2. GIAO TIẾP

- 3.2.1. Xác định các tình huống giao tiếp, giải thích một chiến lược giao tiếp.
- 3.2.2. Xác định cách giao tiếp liên ngành và đa văn hóa.
- 3.2.3. Thực hành viết mạch lạc và trôi chảy, biết cách viết các văn bản kỹ thuật, văn bản chính và không chính thức, báo cáo, ...
- 3.2.4. Áp dụng thực hành chuẩn bị bài thuyết trình bằng điện tử, sử dụng các hình thức giao tiếp điện tử khác nhau (tin nhắn, thư điện tử, trang web, hội thảo online ...).
- 3.2.5. Thực hành chuẩn bị thuyết trình và phương tiện hỗ trợ với ngôn ngữ, phong cách, thời gian, và cấu trúc phù hợp; sử dụng các phương tiện giao tiếp không bằng văn bản hay lời nói (cử chỉ, ánh mắt, tư thế); lựa chọn trả lời các câu hỏi một cách hiệu quả.

3.3. GIAO TIẾP BẰNG NGOẠI NGỮ

- 3.3.1. Tiếng Anh (trình độ tương đương cấp độ B1 chuẩn Châu Âu hoặc TOEIC 450)

4. HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, TRIỂN KHAI VÀ VẬN HÀNH TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ XÃ HỘI

4.1. BỐI CẢNH BÊN NGOÀI VÀ XÃ HỘI

- 4.1.1. Hiểu rõ vai trò và trách nhiệm của một sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán.
- 4.1.2. Hiểu rõ tác động của chuyên ngành Kế toán đối với nền kinh tế và xã hội.
- 4.1.3. Nắm rõ các quy định của xã hội đối với chuyên ngành Kế toán.
- 4.1.4. Có kiến thức và thường xuyên cập nhật những vấn đề thay đổi về bối cảnh kinh tế xã hội.
- 4.1.5. Giải thích về giá trị quan trọng đương thời đối với chính trị, xã hội, pháp lý, và môi trường; hợp thành nhóm các quy trình sử dụng để đặt ra các giá trị đương thời và vai trò của mỗi người trong các quy trình này; dự đoán các cơ chế để mở rộng và phổ biến kiến thức;

- 4.1.6. Giải thích được những điểm tương đồng và khác nhau trong các tập quán văn hóa về chính trị, xã hội, kinh tế, kinh doanh và kỹ thuật; minh bạch được về các liên minh quốc tế giữa các doanh nghiệp với nhau, và giữa các chính phủ với nhau;

4.2. BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ KINH DOANH

- 4.2.1. Hiểu rõ môi trường kinh doanh hiện nay, tôn trọng văn hóa trong doanh nghiệp.
- 4.2.2. Nắm bắt được chiến lược, mục tiêu và kế hoạch của doanh nghiệp
- 4.2.3. Mô tả được công việc của các vị trí công tác trong doanh nghiệp, trình độ chuyên môn phù hợp với các vị trí này và mối quan hệ của các vị trí khác nhau trong một doanh nghiệp.
- 4.2.4. Làm việc thành công trong các doanh nghiệp.
- 4.2.5. Có hướng tự lập nghiệp trong lĩnh vực chuyên ngành Kế toán.

4.3. HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG VÀ XÂY DỰNG CÁC HỆ THỐNG CHUYÊN NGÀNH

- 4.3.1. Dự đoán được xu hướng phát triển kinh tế xã hội, nhu cầu của khách hàng, lập kế hoạch kinh doanh phù hợp với mục tiêu của tổ chức.
- 4.3.2. Giải thích được tính năng, chi phí và giá trị chu trình vòng đời sản phẩm, yếu tố thẩm mỹ và yếu tố con người; việc triển khai, phê chuẩn, kiểm tra, và sự bền vững đối với môi trường, sự bền vững, tiến triển, cải tiến và đào thải sản phẩm; xây dựng được quy trình vận hành, khả năng bảo trì, độ tin cậy và an toàn (đối với các sản phẩm mới).
- 4.3.3. Xây dựng các dự án kinh doanh phù hợp cho từng giai đoạn phát triển của tổ chức, phân công công việc cũng như phân bổ chi phí, doanh thu phù hợp.
- 4.3.4. Xây dựng các tiêu chí đánh giá kết quả công việc của từng bộ phận làm căn cứ đánh giá hiệu quả công việc của từng bộ phận trong dự án hay hệ thống.

4.4. THIẾT KẾ

- 4.4.1. Minh họa các yêu cầu cho mỗi thành phần hay bộ phận được rút ra từ các mục tiêu và yêu cầu ở mức độ hệ thống; phát hiện các lựa chọn thay thế trong thiết kế; xây dựng được thiết kế ban đầu; sử dụng các nguyên mẫu và các mẫu thử nghiệm trong quá trình phát triển thiết kế; áp dụng tối ưu hóa phù hợp với những ràng buộc hiện có, giải quyết sự lặp đi lặp lại cho đến khi đạt kết quả; xây dựng được thiết kế cuối cùng; chứng minh sự đáp ứng khi yêu cầu thay đổi. Minh họa các hoạt động trong các giai đoạn của thiết kế hệ thống (ý tưởng, thiết kế sơ bộ, và thiết kế chi tiết); áp dụng các mô hình quá trình phù hợp cho các đề án phát triển cụ thể; xây dựng quy trình cho các sản phẩm đơn lẻ, sản phẩm mềm, hay sản phẩm cải tiến. Áp dụng kiến thức kỹ thuật và khoa học, liên hệ được mối quan hệ giữa tư duy sáng tạo và suy xét và giải quyết vấn đề; giải quyết công việc ưu tiên trong lĩnh vực, sự tiêu chuẩn hóa và tái sử dụng các thiết kế (kỹ thuật ngược và thiết kế lại); minh họa việc thu thập kiến thức thiết kế (đối với sản phẩm mới).
- 4.4.2. Minh họa các yêu cầu cho mỗi hay bộ phận được rút ra từ các mục tiêu và yêu cầu ở mức độ dự án; phát hiện các lựa chọn thay thế trong từng bộ phận; xây dựng được kế hoạch nhân sự, chi phí ban đầu. Xây dựng các bảng đánh giá kết quả công việc của từng bộ phận làm căn cứ đánh giá hiệu quả công việc của từng bộ phận trong dự án hay hệ thống (đối với các dự án kinh doanh).
- 4.4.3. Sử dụng các quy trình thiết kế phù hợp.
- 4.4.4. Giải thích được sự tương tác giữa các lĩnh vực chuyên ngành khác nhau.

4.5. TRIỂN KHAI

- 4.5.1. Khái quát hóa được mục tiêu và các thước đo hiệu quả kinh tế của các dự án/ hệ thống khi triển khai.
- 4.5.2. Thực hiện các kế hoạch chi tiết đã xây dựng.
- 4.5.3. Làm sáng tỏ các thủ tục kiểm tra và phân tích; sự kiểm tra tính năng so với yêu cầu của khách hàng; giải thích sự chứng nhận đối với các tiêu chuẩn.
- 4.5.4. Khái quát hóa tổ chức và cơ cấu cho việc triển khai; giải thích việc kiểm soát chi phí trong triển khai, thực hiện và tiến trình; làm sáng tỏ nguồn cung cấp, hợp tác và dây chuyền cung ứng, làm sáng tỏ đảm bảo chất lượng và an toàn, các cải tiến có thể thực hiện được trong quá trình triển khai.
- 4.5.5. Tiến hành kiểm tra trước, trong và sau khi thực hiện kế hoạch để có những điều chỉnh, bổ sung kịp thời, phù hợp.

4.6. VẬN HÀNH

- 4.6.1. Diễn giải các mục tiêu và đo lường tính năng hoạt động, chi phí và giá trị của vận hành; giải thích cấu trúc và phát triển quy trình vận hành, sự phân tích và mô hình hóa vận hành.
- 4.6.2. Giải thích việc huấn luyện để vận hành chuyên nghiệp, nhu cầu đào tạo cho sự vận hành của khách hàng (nếu có); diễn giải các quy trình vận hành và sự tương tác của các thành phần trong dự án.
- 4.6.3. Giải thích sự bảo trì và hậu cần; diễn giải tính năng và độ tin cậy của chu trình vòng đời, giá trị và các chi phí của chu trình vòng đời, sự phản hồi để tạo điều kiện cho việc cải tiến hệ thống/sản phẩm.
- 4.6.4. Nêu lý do về sự cải tiến sản phẩm được hoạch định trước; minh họa các cải tiến dựa trên các nhu cầu nhận thấy được từ vận hành, các cải tiến/giải pháp để xử lý các trường hợp bất ngờ xảy ra từ vận hành; giải thích sự tiến triển trong việc nâng cấp hệ thống/ sản phẩm;
- 4.6.5. Dự đoán các vấn đề cuối đời, tổng kết các lựa chọn để đào thải.
- 4.6.6. Khái quát hóa tổ chức và cơ cấu cho việc vận hành; giải thích được các quan hệ đối tác và liên kết, sự kiểm soát của chi phí vận hành, tính năng và quy trình, việc quản lý chu trình vòng đời; dự đoán sự cải tiến có thể thực hiện được trong quá trình vận hành;
- 4.6.7. Diễn giải tính năng và độ tin cậy của dự án, các rủi ro trong quá trình vận hành cũng như các phản hồi để hoàn thiện hơn dự án/ sản phẩm.

5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOẢ: (tính bằng tín chỉ)

- 150 tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức GDTC và GDQP-AN)

6. PHÂN BỐ KHỐI LƯỢNG CÁC KHỐI KIẾN THỨC

Tên	Số tín chỉ		
	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
Kiến thức giáo dục đại cương	56	49	6
Lý luận chính trị và pháp luật đại cương	12	12	
Khoa học XH&NV	13	7	6
Anh văn	9	9	
Nhập môn ngành Kế toán	3	3	
Tin học	3	3	
Toán và KHTN	22	22	
Khối kiến thức chuyên nghiệp	94	85	10

Cơ sở nhóm ngành và ngành	13	13	
Chuyên ngành	66	56	10
Thực tập môn học	1	1	
Thực tập tốt nghiệp	4	4	
Khóa luận tốt nghiệp	10	10	
Khối kiến thức sư phạm (nếu có)			
Lý thuyết			
Thực tập sư phạm			

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH (tên và khối lượng các học phần bắt buộc)

A – PHẦN BẮT BUỘC

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương

7.1.1. Lý luận chính trị & Pháp luật đại cương

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1		Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa MLN	5	BB Bộ
2		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	BB Bộ
3		Đường lối chủ nghĩa của Đảng cộng sản Việt Nam	3	BB Bộ
4		Pháp luật đại cương	2	BB Bộ
Tổng cộng			12	

7.1.2. Khoa học Xã hội và Nhân văn – Nhập môn ngành

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	INAC130107	Nhập môn ngành Kế toán	3	BB trường
2	FUMA230806	Quản trị học căn bản	3	Khoa chọn
3	SCRE220306	Phương pháp nghiên cứu khoa học Kinh tế	2	Khoa chọn
Tổng cộng			7	

7.1.3. Ngoại ngữ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1		Anh văn 1	3	BB trường
2		Anh văn 2	3	BB trường
3		Anh văn 3	3	BB trường
Tổng cộng			9	

7.1.4. Toán – Tin học – Khoa học Tự nhiên

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1		Toán cao cấp C1	3	BB trường
2		Toán cao cấp C2	3	BB trường
3		Tin học	3	BB trường
4		Xác suất thống kê ứng dụng	3	Khoa chọn
5	LIPR231306	Quy hoạch tuyến tính	3	Khoa chọn
6	EMET230606	Kinh tế lượng	3	Khoa chọn

7	APCM220307	Tin học ứng dụng	2	<i>Khoa chọn</i>
Tổng cộng			20	

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1. Kiến thức cơ sở nhóm ngành và ngành

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	PRAC240407	Nguyên lý kế toán	4	<i>Khoa chọn</i>
2	BAMA231206	Marketing căn bản	3	<i>Khoa chọn</i>
3	BULA230906	Luật kinh tế	3	<i>Khoa chọn</i>
4	MICR230506	Kinh tế vi mô	3	<i>Khoa chọn</i>
5	MACR230406	Kinh tế vĩ mô	3	<i>Khoa chọn</i>
Tổng cộng			16	

7.2.2.a Kiến thức chuyên ngành (cho các học phần lý thuyết và thí nghiệm)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	FIAC340207	Kế toán tài chính A1	4	
2	FIAC340907	Kế toán tài chính A2	4	
3	FIAC430707	Kế toán tài chính A3 (Lập và trình bày Báo cáo tài chính)	3	
4	ACEN330107	Anh văn chuyên ngành kinh tế 1 (Accounting English)	3	
5	ACBU331507	Anh văn chuyên ngành kinh tế 2 (Business English)	3	
6	ACIS320707	Hệ thống thông tin kế toán	2	
7	ACSO430407	Phần mềm kế toán	3	
8	COFI330307	Tài chính doanh nghiệp 1	3	
9	ADCF430307	Tài chính doanh nghiệp 2	3	
10	AUDI430207	Kiểm toán 1	3	
11	ADAU430907	Kiểm toán 2	3	
12	TAPO330407	Chính sách Thuế	3	
13	COAC331607	Kế toán chi phí	3	
14	MAAC430507	Kế toán quản trị	3	
15	COBA330507	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	
16	SEMA430807	Thị trường chứng khoán	3	
17	BUAN331107	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
18	INPA430107	Thanh toán quốc tế	3	
19	STOG310807	Nghiên cứu chuyên đề 1	1	
20	STOG410607	Nghiên cứu chuyên đề 2	1	
Tổng cộng			58	

B – PHẦN TỰ CHỌN:

1. Kiến thức giáo dục đại cương

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Sinh viên chọn 3 môn trong 8 môn với tổng số tín chỉ là 6			6	

1	BUSP221106	Tâm lý học kinh doanh	2	Khoa chọn
2		Kỹ năng xây dựng kế hoạch	2	Khoa chọn
3		Kỹ năng thuyết trình	2	Khoa chọn
4		Trình bày các văn bản và văn bản KHKT	2	Khoa chọn
5		Tiếng Việt thực hành	2	Khoa chọn
6		Tư duy hệ thống	2	Khoa chọn
7		Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Khoa chọn
8		Nhập môn Logic học	2	Khoa chọn

2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

2.1. Kiến thức cơ sở ngành và nhóm ngành

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Sinh viên chọn 1 môn trong 2 môn với tổng số tín chỉ là 2			2	
1	INBU220207	Kinh doanh quốc tế	2	Khoa chọn
2	ININ220107	Đầu tư quốc tế	2	Khoa chọn

2.1. Kiến thức chuyên ngành

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Sinh viên chọn 2 môn trong 5 môn với tổng số tín chỉ là 5			5	
1	APAC330607	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	
2	INAC331007	Kế toán Mỹ	3	
3	BAAC331407	Kế toán ngân hàng	3	
4	REEX321207	Lập sổ sách kế toán trên Excel	2	
5	REAC321307	Lập sổ sách kế toán trên Access	2	

7.2.2.b Kiến thức chuyên ngành (các học phần thực hành xưởng, thực tập công nghiệp)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	SHIN311707	Thực tập môn học	1	
2	INTE441007	Thực tập tốt nghiệp	4	
Tổng cộng			5	

7.2.3. Khóa luận tốt nghiệp (hoặc thi tốt nghiệp)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	GRAT4101107	Khóa luận tốt nghiệp	10	
<i>Hoặc các môn thi tốt nghiệp</i>			10	
1	ADFA421507	Kế toán tài chính nâng cao (TN)	4	
2	ADMA421307	Kế toán quản trị nâng cao (TN)	2	
3	ADCA421207	Kế toán chi phí nâng cao (TN)	2	
4	ADFA421507	Phân tích tài chính nâng cao (TN)	2	
Tổng cộng			10	

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Học kỳ 1:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã HP tiên quyết (nếu có)
1		Anh văn 1	3	
2	INAC130107	Nhập môn ngành Kế toán	3	
3		Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa MLN	5	
4		Pháp luật đại cương	2	
5		Tin học	3 (2+1)	
6		Toán cao cấp C1	3	
7		Giáo dục thể chất 1	1	
Tổng cộng			20	

Học kỳ 2:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã HP tiên quyết (nếu có)
1		Anh văn 2	3	
2	MICR230506	Kinh tế vi mô	3	
3		Toán cao cấp C2	3	
4	LIPR231306	Quy hoạch tuyến tính	3	
5		Xác suất thống kê ứng dụng	3	
6		Giáo dục thể chất 2	1	
Chọn 2 trong 6 môn sau (4 tín chỉ)			4	
7		<i>Kỹ năng thuyết trình</i>	2	
8	BUSP221106	<i>Tâm lý học kinh doanh</i>	2	
9		<i>Tiếng Việt thực hành</i>	2	
10		<i>Trình bày các văn bản và văn bản KHKT</i>	2	
11		<i>Nhập môn Logic học</i>	2	
12		<i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i>	2	
Tổng cộng			20	

Học kỳ 3:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã HP tiên quyết (nếu có)
1		Anh văn 3	3	
2		Đường lối chủ nghĩa của Đảng cộng sản Việt Nam	3	
3	MACR230406	Kinh tế vĩ mô	3	
4	PRAC240407	Nguyên lý kế toán	4	
5	FUMA230806	Quản trị học căn bản	3	
6		Tư chọn Giáo dục thể chất 3	3	
Chọn 1 trong 2 môn sau (2 tín chỉ)			2	
7		<i>Kỹ năng xây dựng kế hoạch</i>	2	

8		<i>Tư duy hệ thống</i>	2	
Tổng cộng			21	

Học kỳ 4:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã HP tiên quyết (nếu có)
1	ACEN330107	Anh văn chuyên ngành kinh tế 1 (Accounting English)	3	
2	FIAC340207	Kế toán tài chính A1	4	
3	EMET230606	Kinh tế lượng	3	
4	BULA230906	Luật kinh tế	3	
5	BAMA231206	Marketing căn bản	3	
6		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
Chọn 1 trong 2 môn sau (2 tín chỉ)			2	
7	<i>ININ220107</i>	<i>Đầu tư quốc tế</i>	2	
8	<i>INBU220207</i>	<i>Kinh doanh quốc tế</i>	2	
Tổng cộng			20	

Học kỳ 5:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã HP tiên quyết (nếu có)
1	COFI330307	Tài chính doanh nghiệp 1	3	
2	SCRE220306	Phương pháp nghiên cứu khoa học Kinh tế	2	
3	TAPO330407	Chính sách Thuế	3	
4	FIAC340907	Kế toán tài chính A2	4	
5	AUDI430207	Kiểm toán 1	3	
6	COBA330507	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	
7	APCM220307	Tin học ứng dụng	2	
Tổng cộng			20	

Học kỳ 6:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã HP tiên quyết (nếu có)
1	ADCF430307	Tài chính doanh nghiệp 2	3	
2	ACBU331507	Anh văn chuyên ngành kinh tế 2 (Business English)	3	
3	COAC331607	Kế toán chi phí	3	
4	INPA430107	Thanh toán quốc tế	3	
5	STOG410607	Nghiên cứu chuyên đề 2	1	
6	ACIS320707	Hệ thống thông tin kế toán	2	
7	PRAC410607	Chuyên đề thực hành 2	1	Học kỳ hè

Chọn 2 trong 5 môn sau (5 tín chỉ)			5	
8	APAC330607	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	
9	BAAC331407	Kế toán ngân hàng	3	
10	INAC331007	Kế toán Mỹ	3	
11	REAC321307	Lập sổ sách kế toán trên Access	2	
12	REEX321207	Lập sổ sách kế toán trên Excel	2	
Tổng cộng			21	

Học kỳ 7:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã HP tiên quyết (nếu có)
1	FIAC430707	Kế toán tài chính A3 (Lập và trình bày Báo cáo tài chính)	3	
2	MAAC430507	Kế toán quản trị	3	
3	ADAU430907	Kiểm toán 2	3	
4	STOG410607	Nghiên cứu chuyên đề 2	1	
5	BUAN331107	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
6	ACSO430407	Phần mềm kế toán	3	
7	SEMA430807	Thị trường chứng khoán	3	
Tổng cộng			19	

Học kỳ 8:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã HP tiên quyết (nếu có)
1	INTE441007	Thực tập tốt nghiệp	4	
2	GRAT4101107	Khóa luận tốt nghiệp	10	
		Hoặc các môn tốt nghiệp		
3	ADFA441407	Kế toán tài chính nâng cao (TN)	4	
4	ADMA421307	Kế toán quản trị nâng cao (TN)	2	
5	ADCA421207	Kế toán chi phí nâng cao (TN)	2	
6	ADFA421507	Phân tích tài chính nâng cao (TN)	2	
Tổng cộng			14	

9. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC HỌC PHẦN

9.1. Nhập môn ngành kế toán

Số TC: 03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về ngành học Kế toán cũng như các hiểu biết nhất định về Khoa và Nhà trường. Trang bị cho sinh viên một số phương pháp học tập tại bậc đại học cũng như 1 số kỹ năng cần thiết cho học tập và làm việc sau này.

9.2. Kinh tế Vi mô

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quy luật cung cầu, kinh tế thị trường, sự lựa chọn của người tiêu dùng, hành vi của nhà sản xuất. Các phương pháp phân tích và lập luận trong kinh tế. Các hoạt động kinh tế trong thực tiễn và trên thị trường.

9.3. Quy hoạch tuyến tính ứng dụng trong kinh tế

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy hoạch tuyến tính ứng dụng trong kinh tế: bài toán quy hoạch tuyến tính, bài toán đối ngẫu, bài toán vận tải và sơ đồ mạng. Sau khi học xong sinh viên có kỹ năng lập mô hình bài toán, sử dụng các phương pháp giải bài toán vận tải, sơ đồ mạng.

9.4. Kinh tế Vĩ mô

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản để hiểu được mục tiêu của các chính sách kinh tế vĩ mô, các công cụ điều tiết vĩ mô, lạm phát, thất nghiệp, tổng cung, tổng cầu để có thể phân tích và lập luận trong kinh tế; giải thích được hoạt động kinh tế trong thực tiễn và trên thị trường.

9.5. Nguyên lý kế toán

Số TC: 04

- *Phân bố thời gian học tập:* 4 (4, 0, 8)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lý thuyết Kế toán: các khái niệm, bản chất, chức năng, đối tượng, mục đích và yêu cầu kế toán, phương pháp kế toán, quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán, trình tự kế toán, các quá trình kinh doanh chủ yếu, các hình thức kế toán, nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán, lập và diễn dịch các báo cáo tài chính.

9.6. Quản trị học căn bản

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về quản trị và sự vận dụng thực tiễn của nó như: khái niệm và bản chất của quản trị, nhà quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị, các chức năng quản trị. Học phần còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như: quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới, quản trị rủi ro và cơ hội của một doanh nghiệp.

9.7. Phương pháp nghiên cứu khoa học Kinh tế

Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (1, 0, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nội dung chủ yếu của học phần là trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cách thức thực hiện một nghiên cứu khoa học từ khâu lên kế hoạch, viết đề cương sơ bộ, đề cương chi tiết đến khâu hoàn thành báo cáo nghiên cứu.

9.8. Kinh tế lượng

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về các phương thức phân tích về mặt lượng của mối quan hệ giữa các hiện tượng kinh tế cùng với sự tác động qua lại giữa chúng dựa trên cơ sở các số liệu thu thập từ thực tế với sự hỗ trợ của máy điện toán nhằm củng cố thêm các giả thuyết kinh tế, từ đó có thể đưa ra các quyết định trong kinh doanh một cách đúng đắn và có cơ sở khoa học hơn.

9.9. Luật kinh tế

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức hữu ích về doanh nghiệp như vấn đề thành lập, hoạt động, tổ chức quản lý, giải thể, phá sản của các loại hình doanh nghiệp, bản chất pháp lý của từng loại hình doanh nghiệp tư nhân, công ty, doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Các quy định pháp lý hiện hành về hợp đồng kinh tế ở Việt Nam như nội dung HĐKT – ký kết HĐKT – thực hiện HĐKT – các biện pháp thế chấp, cầm cố và bảo lãnh tài sản trong quan hệ HĐKT – Xử lý vi phạm HĐKT – Thanh lý, thay đổi và đình chỉ HĐKT – HĐKT vô hiệu và xử lý HĐKT vô hiệu ở Việt Nam; các quy định pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại giữa các doanh nghiệp theo con đường tòa án và trọng tài thương mại: trình tự, thủ tục giải quyết sơ thẩm, phúc thẩm một tranh chấp tại Tòa án, tổ chức và hoạt động của trọng tài thương mại, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp thương mại tại trọng tài thương mại, thi hành bản án, quyết định của tòa án, trọng tài tại Việt Nam...

9.10. Marketing căn bản

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Giới thiệu khái quát về marketing, vai trò của marketing đối với xã hội và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; tiến trình thị trường, chọn lựa thị trường mục tiêu, chiến lược marketing hỗn hợp; phân tích chi tiết nội dung của chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phân phối, yểm trợ bán hàng; vấn đề ứng dụng marketing vào các lĩnh vực kinh doanh: thương mại, dịch vụ, công nghiệp, nông nghiệp .v.v.

9.11. Tin học ứng dụng

Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2, 0, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị các kiến thức chuyên sâu của MS Excel nâng cao. Ngoài ra học phần còn trang bị cho sinh viên các kiến thức tin học ứng dụng trong kinh tế: các hàm toán tài chính, các hàm toán thống kê... ứng dụng trong việc đánh giá các dự án, phân tích độ nhạy các dự án, định giá các công cụ tài chính, cũng như cách thức, phương pháp tổ chức lưu trữ dữ liệu, truy vấn thông tin và lập báo cáo theo yêu cầu.

9.12. Đầu tư quốc tế

Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2, 0, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Giới thiệu cho sinh viên những vấn đề cơ bản về đầu tư quốc tế, môi trường đầu tư quốc tế; hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); đầu tư trực

tiếp nước ngoài (FDI); đầu tư gián tiếp nước ngoài, chuyển giao công nghệ; các vấn đề và thực trạng đầu tư quốc tế tại Việt Nam.

9.13. Kinh doanh quốc tế

Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2, 0, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về kinh doanh quốc tế như: Đại cương về kinh doanh quốc tế; các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh quốc tế; các chiến lược, chính sách và các mặt của hoạt động kinh doanh quốc tế; và những vấn đề nhà quản trị phải đối mặt trong môi trường toàn cầu hóa. Các kiến thức được cung cấp một cách đầy đủ, khoa học, có hệ thống và cập nhật nhằm đáp ứng được những thay đổi từng ngày của hoạt động kinh doanh quốc tế toàn cầu.

9.14. Kế toán tài chính A1

Số TC: 04

- *Phân bố thời gian học tập:* 4 (4, 0, 8)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nội dung chủ yếu của học phần là trang bị cho sinh viên các kiến thức về tổ chức công tác kế toán tài chính trong các loại hình doanh nghiệp; Nguyên tắc và phương pháp kế toán đối với các đối tượng kế toán thuộc hoạt động kinh doanh như tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, qua đó lập bảng cân đối kế toán.

9.15. Kế toán tài chính A2

Số TC: 04

- *Phân bố thời gian học tập:* 4 (4, 0, 8)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nội dung chủ yếu của học phần là trang bị cho sinh viên các kiến thức về tổ chức công tác kế toán tài chính trong các loại hình doanh nghiệp; Nguyên tắc và phương pháp kế toán đối với các đối tượng kế toán thuộc hoạt động sản xuất, tính giá thành sản phẩm; giao dịch ngoại tệ, xây dựng cơ bản; bất động sản đầu tư; đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn,...

9.16. Kế toán tài chính A3 (Lập và trình bày Báo cáo tài chính)

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nội dung chủ yếu của học phần là trang bị cho sinh viên các kiến thức về tổ chức công tác kế toán tài chính trong các loại hình doanh nghiệp; Nguyên tắc và phương pháp kế toán đối với các đối tượng kế toán thuộc hoạt động sản xuất, tính giá thành sản phẩm; giao dịch ngoại tệ, xây dựng cơ bản; bất động sản đầu tư; đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn,... Lập và trình bày Báo cáo tài chính nhằm cung cấp thông tin kinh tế, tài chính cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin của đơn vị kế toán để đề ra các quyết định kinh tế.

9.17. Tài chính doanh nghiệp 1

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các vấn đề tài chính trong công ty cổ phần: khái niệm và những quyết định chủ yếu trong tài chính doanh nghiệp; ứng dụng phương pháp tính giá trị tiền tệ theo thời gian, phương pháp đo lường lợi nhuận và rủi ro, phương pháp định giá chứng khoán ... phục vụ cho việc phân tích và ra quyết định về tài chính cho doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho người học những kiến thức và công cụ phân tích

và định giá nhằm đưa ra các quyết định đầu tư, một trong ba quyết định chủ yếu của tài chính doanh nghiệp.

9.18. Tài chính doanh nghiệp 2

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các vấn đề tài chính trong công ty cổ phần, bao gồm: quyết định đầu tư tài sản lưu động, quyết định nguồn vốn và chi phí sử dụng vốn, quyết định về chính sách cổ tức của công ty, quyết định sáp nhập và thâu tóm, quyết định về quản lý rủi ro tài chính ... phục vụ cho việc phân tích và ra quyết định về tài chính cho doanh nghiệp. Ngoài ra, để có thể phân tích và đưa ra các quyết định này một cách đúng đắn đòi hỏi người học cần phải kết hợp với các kiến thức đã học ở học phần Tài chính doanh nghiệp 1.

9.19. Chính sách thuế

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giúp cho sinh viên hiểu được khái quát toàn bộ hệ thống thuế Việt nam hiện hành, đặc điểm, cơ cấu một số thuế, xu hướng cải cách thuế Việt nam và thế giới. Ngoài ra học phần còn đi sâu giới thiệu chi tiết một số thuế chủ yếu.

9.20. Anh văn chuyên ngành kinh tế 1 (Accounting English)

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần cung cấp cho người học vốn từ vựng chuyên ngành kinh tế (kê toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng,...) cho các công việc đòi hỏi sử dụng tiếng Anh trong quá trình làm việc. Khái quát những nguyên lý cơ bản kế toán quốc tế, cách ghi sổ sách kế toán các nghiệp vụ kinh tế căn bản đồng thời môn học còn giới thiệu khái quát về khái niệm ngân sách và nghề nghiệp kế toán và kiểm toán. Ngoài ra, học phần này còn cung cấp cho người học những kỹ năng viết và nói và đọc hiểu được các nghiệp vụ kế toán quốc tế,...

9.21. Anh văn chuyên ngành kinh tế 2 (Business English)

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Cung cấp vốn từ vựng chuyên ngành kinh tế (kê toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng,...) cho các công việc đòi hỏi sử dụng tiếng Anh trong quá trình làm việc. Ngoài ra, học phần này còn cung cấp cho người học những kỹ năng viết và nói và đọc hiểu được các nghiệp vụ trong lĩnh vực thương mại,...

9.22. Phần mềm kế toán

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giúp sinh viên nắm rõ công tác tổ chức kế toán trong doanh nghiệp và kỹ năng ứng dụng các phần mềm thực hiện công việc kế toán trong doanh nghiệp.

9.23. Kiểm toán 1

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)

- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng, đối tượng, phương pháp của kiểm toán, các loại kiểm toán, các khái niệm và quy trình cơ bản sử dụng trong việc chuẩn bị, thực hiện và hoàn thành một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán trong các loại hình kiểm toán khác nhau.

9.24. Kiểm toán 2

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này tập trung vào việc áp dụng các hiểu biết căn bản đã được trình bày trong học phần Kiểm toán 1 vào việc thực hiện kiểm toán các khoản mục trên báo cáo tài chính, bao gồm việc vận dụng các chuẩn mực kiểm toán, tìm hiểu và đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp đối với các khoản mục trên báo cáo tài chính. Ngoài ra, học phần mở rộng trình bày các dịch vụ khác do doanh nghiệp kiểm toán cung cấp, cũng như hoạt động kiểm toán nội bộ và kiểm toán nhà nước.

9.25. Kế toán chi phí

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này cho thấy vai trò của nhà quản lý và của kế toán viên trong quản lý chi phí ở một tổ chức, và kế toán chi phí làm thế nào để giúp nhà quản lý trong việc hoạch định và kiểm soát chi phí. Thông tin do kế toán chi phí cung cấp phục vụ cho việc ra quyết định của nhà quản trị là chủ yếu, ngoài ra nó còn cung cấp thông tin phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính. Nội dung của học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng, nội dung và phương pháp của kế toán chi phí, về phân loại chi phí, qui trình kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo 3 mô hình: kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành theo chi phí thực tế, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí thực tế kết hợp với chi phí ước tính và mô hình kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí định mức.

9.26. Kế toán quản trị

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng và phương pháp của kế toán quản trị; phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận; lập dự toán; phân tích biến động chi phí; đánh giá trách nhiệm quản lý; định giá bán sản phẩm; thông tin thích hợp phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn và dài hạn của nhà quản trị; phân bổ chi phí cho các bộ phận phục vụ.

9.27. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về nghiệp vụ ngân hàng thương mại như: Đại cương về ngân hàng thương mại; các nghiệp vụ huy động vốn, hoạt động tín dụng, dịch vụ tài chính, các nghiệp vụ sinh lợi khác; các công cụ thanh toán sử dụng trong các dịch vụ thanh toán của ngân hàng.

9.28. Thị trường chứng khoán**Số TC: 03**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về thị trường chứng khoán như: Lý luận cơ bản về chứng khoán, thị trường chứng khoán, sở giao dịch chứng khoán, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư; phân tích và đầu tư chứng khoán, thị trường trái phiếu quốc tế. Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về thị trường chứng khoán, các chủ thể tham gia trên thị trường. Tìm hiểu về các công cụ lưu thông trên thị trường chứng khoán. Nghiên cứu cơ chế hoạt động và giao dịch trên thị trường chứng khoán. Phân tích và định giá các loại chứng khoán như cổ phiếu, trái phiếu và các chứng khoán phái sinh.

9.29. Phân tích hoạt động kinh doanh**Số TC: 03**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này giúp sinh viên phân tích được quá trình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đề xuất các biện pháp hợp lý để giảm thiểu rủi ro, kiểm soát chi phí, khai thác khả năng tiềm tàng của doanh nghiệp. Phân tích hoạt động kinh doanh bằng các phương pháp nghiên cứu riêng giúp sinh viên hiểu và đánh giá đúng kết quả sản xuất về khối lượng, chất lượng sản phẩm. Nhận biết nguyên nhân ảnh hưởng, phân tích biến động giá thành sản phẩm. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh và lợi nhuận. Phân tích báo tài chính của doanh nghiệp cho thấy được ý nghĩa của các số liệu trên các báo cáo, mối quan hệ giữa các khoản mục trên bảng cân đối và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Đánh giá được tình hình biến động cũng như kết cấu vốn, nguồn vốn của doanh nghiệp. Khả năng sinh lời, tình hình lưu chuyển vốn, khả năng thanh toán của doanh nghiệp cũng sẽ được sáng tỏ khi phân tích báo cáo tài chính.

9.30. Thanh toán quốc tế**Số TC: 03**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức căn bản về tiền tệ thế giới, tỷ giá hối đoái, thị trường hối đoái, các nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ trên thị trường hối đoái, cách phát hành và lưu thông các phương tiện thanh toán quốc tế và cách thực hiện các phương thức thanh toán trong các giao dịch thương mại, dịch vụ quốc tế.

9.31. Kế toán ngân hàng**Số TC: 03**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về các nghiệp vụ kế toán trong lĩnh vực ngân hàng. Giúp sinh viên có điều kiện ôn lại toàn bộ các nghiệp vụ kinh doanh của ngân hàng. Sinh viên biết hạch toán một số nghiệp vụ ngân hàng như: nghiệp vụ huy động vốn, tín dụng, thanh toán không dùng tiền mặt, tài sản cố định và công cụ lao động, kinh doanh ngoại tệ-vàng bạc-thanh toán quốc tế, kết quả kinh doanh. Nâng cao kỹ năng vận dụng lý thuyết và xử lý thực tế cho các sinh viên về các nghiệp vụ kế toán ngân hàng...

9.32. Kế toán Mỹ**Số TC: 03**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Cung cấp một số kiến thức cơ bản liên quan tới việc tổ chức thực hiện hệ thống kế toán Mỹ hiện đại. Thông qua môn học này sẽ giúp cho người học có cơ sở đối chiếu hệ thống kế toán Việt Nam với hệ thống kế toán Mỹ nhằm rút ra những vấn đề cần học tập để phát triển kế toán Việt Nam đồng thời còn giúp sinh viên tiếp cận với Anh ngữ chuyên ngành.

9.33. Kế toán hành chính sự nghiệp

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp: Kế toán tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản; Kế toán các nghiệp vụ thanh toán; Kế toán nguồn kinh phí; Kế toán các khoản thu, chi; Quyết toán kinh phí và hệ thống báo cáo tài chính.

9.34. Hệ thống thông tin kế toán

Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2, 0, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nhằm tổ chức phân tích, tổ chức xử lý, đánh giá và kiểm soát thông tin kế toán trong điều kiện xử lý thủ công hoặc đã tin học hóa. Cung cấp kiến thức giúp sinh viên có thể thực hiện tốt công việc kế toán trong điều kiện doanh nghiệp sử dụng phần mềm kế toán.

9.35. Tổ chức công tác kế toán trên Excel

Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2, 0, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng về sắp xếp, phân tích, đánh giá dữ liệu và kiểm soát dữ liệu trong kế toán, tổ chức cơ sở dữ liệu trên Excel, cách phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào cơ sở dữ liệu, thiết kế các biểu mẫu sổ sách, báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính cũng như cách lập hàm Excel cho từng loại sổ sách, báo cáo kế toán, cách chuyển dữ liệu kế toán từ kì này sang kì kế toán mới. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho người học nắm vững các quy tắc ghi chép sổ sách, báo cáo theo quy định của Bộ Tài Chính, các nguyên tắc chung khi lập công thức cho biểu mẫu sổ sách, báo cáo cũng như các thủ thuật Excel để người học có thể ứng dụng lập các biểu mẫu báo cáo sổ sách phù hợp theo yêu cầu của quản lý doanh nghiệp.

9.36. Tổ chức công tác kế toán trên Access

Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2, 0, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng về sắp xếp, phân tích, đánh giá dữ liệu và kiểm soát dữ liệu trong kế toán, tổ chức cơ sở dữ liệu trên Access, cách phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào cơ sở dữ liệu, thiết kế các biểu mẫu sổ sách, báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính cũng như cách lập hàm Access cho từng loại sổ sách, báo cáo kế toán, cách chuyển dữ liệu kế toán từ kì này sang kì kế toán mới trên Access. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho người học nắm vững các quy tắc ghi chép sổ sách, báo cáo theo quy định của Bộ Tài Chính, các nguyên tắc chung khi lập công thức cho biểu mẫu sổ sách, báo cáo cũng như các thủ thuật Access để người học có thể ứng dụng lập các biểu mẫu báo cáo sổ sách phù hợp theo yêu cầu của quản lý doanh nghiệp.

9.37. Kế toán tài chính nâng cao**Số TC: 04**

- *Phân bố thời gian học tập:* 4 (4, 0, 8)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Hệ thống hóa kiến thức của các học phần kế toán tài chính A1, A2, A3 cũng như trang bị thêm các kiến thức nâng cao trong kế toán tài chính: kế toán đầu tư tài chính, kế toán nghiệp vụ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, lập báo cáo tài chính hợp nhất,...

9.38. Kế toán quản trị nâng cao**Số TC: 02**

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2, 0, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức nâng cao về kế toán quản trị: đánh giá trách nhiệm quản lý; định giá bán sản phẩm; thông tin thích hợp phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn và dài hạn của nhà quản trị cấp cao; phân bổ chi phí cho các bộ phận phục vụ.

9.39. Kế toán chi phí nâng cao**Số TC: 02**

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2, 0, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nội dung của học phần này bao gồm những kiến thức nâng cao về kế toán chi phí, về phân loại chi phí, đi sâu phân tích qui trình kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo 3 mô hình: kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành theo chi phí thực tế, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí thực tế kết hợp với chi phí ước tính và mô hình kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí định mức.

9.40. Phân tích tài chính nâng cao**Số TC: 02**

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2, 0, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị các kiến thức về phân tích tài chính nâng cao như: Phân tích khả năng tạo tiền và tình hình lưu chuyển tiền; Phân tích điểm hòa vốn phục vụ ra quyết định; Phân tích hiệu quả sử dụng vốn; Phân tích rủi ro tài chính và dự báo tài chính doanh nghiệp.

9.41. Thực tập môn học**Số TC: 01**

- *Phân bố thời gian học tập:* 1 (0, 1, 2)
- *Điều kiện tiên quyết:* Sinh viên năm 2 trở lên
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Sinh viên đăng ký tham gia kiến tập tại các công ty. Học phần giúp sinh viên hiểu biết về cơ cấu tổ chức hoạt động của 1 doanh nghiệp. Mô tả được cơ cấu tổ chức của 1 doanh nghiệp cũng như các phòng ban trong doanh nghiệp.

9.42. Thực tập tốt nghiệp**Số TC: 04**

- *Phân bố thời gian học tập:* 4 (0, 4, 8)
- *Điều kiện tiên quyết:* Sinh viên năm thứ 4
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Sinh viên đăng ký đề tài và tham gia thực tập tại các công ty dưới sự hướng dẫn của GVHD do Khoa phân công. Học phần giúp sinh viên hiểu biết về cơ cấu tổ chức hoạt động của 1 doanh nghiệp; mô tả được cơ cấu tổ chức của 1 doanh nghiệp cũng như các phòng ban trong doanh nghiệp; biết cách trình bày 1 báo cáo thực tập tốt nghiệp; thực hiện được một báo cáo thực tập tốt nghiệp hoàn chỉnh.

9.43. Khóa luận tốt nghiệp

Số TC: 10

- Phân bố thời gian học tập: 10 (0, 10, 20)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Sinh viên đăng ký đề tài và hoàn thành đề tài theo kế hoạch học vụ của mình dưới sự hướng dẫn của GVHD do Khoa phân công. Khóa luận tốt nghiệp là các đề tài nghiên cứu ứng dụng để giải quyết một vấn đề kế toán, tài chính... cụ thể mang tính thực tế liên quan đến ngành học do sinh viên tự chọn hoặc theo gợi ý của giáo viên hướng dẫn. Nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề liên quan đến ngành học cụ thể trong thực tế.

10. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

Theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo

10.1 Các xưởng, phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng:

- Phòng máy tính cài chương trình phục vụ nhu cầu đào tạo (Eviews, SPSS, phần mềm kế toán Misa,...)

10.2 Thư viện, trang WEB

- Thư viện trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TPHCM.
- Thư viện Đại học Sư phạm Kỹ thuật TPHCM: <http://thuvien.hcmute.edu.vn/>
- Khoa Kinh tế Đại học Sư phạm Kỹ thuật TPHCM: <http://www.hcmute.edu.vn/>
- Thư viện pháp luật: <http://thuvienphapluat.vn/>
- Văn bản pháp luật: <http://www.vanbanphapluat.com/>
- Hội kế toán Việt Nam: www.vaa-hcmc.org.vn/
- Tạp chí kế toán: www.tapchiketoan.com/
- Hội kiểm toán hành nghề Việt Nam: www.vacpa.org.vn/
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: www.sbv.gov.vn/
- Danh mục trang web xem trong bộ đề cương chi tiết.

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Giờ quy định tính như sau:

- 1 tín chỉ = 15 tiết giảng dạy lý thuyết hoặc thảo luận trên lớp
- = 30 giờ thí nghiệm hoặc thực hành
- = 45 giờ tự học
- = 45 ÷ 90 giờ thực tập tại cơ sở.
- = 45 ÷ 60 giờ thực hiện đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

Số giờ của học phần là bội số của 15.

- Thi tốt nghiệp: được tổ hợp từ kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và môn chính trị.
- Đồ án tốt nghiệp: dạng đề tài nghiên cứu ứng dụng để giải quyết một vấn đề kỹ thuật cụ thể mang tính thực tế liên quan đến ngành học.
- Trình tự triển khai giảng dạy các học phần phải đảm bảo tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mạng kiến thức, các cơ sở đào tạo cần quy định các học phần tiên quyết của học phần kế tiếp trong chương trình đào tạo.

- Về nội dung: nội dung trong đề cương là nội dung cốt lõi của học phần. Tùy theo từng chuyên ngành cụ thể có thể bổ sung thêm nội dung hay thời lượng cho một học phần nào đó.
- Về số tiết học của học phần: ngoài thời lượng giảng dạy trên lớp theo kế hoạch giảng dạy cho các học phần, cơ sở đào tạo cần quy định thêm số tiết tự học để sinh viên củng cố kiến thức đã học của học phần.
- Về yêu cầu thực hiện số lượng và hình thức bài tập của các học phần do giảng viên quy định nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện các kỹ năng thiết yếu.
- Tất cả các học phần đều phải có giáo trình hoặc bài giảng, tài liệu tham khảo, bài hướng dẫn, ... đã in sẵn cung cấp cho sinh viên. Tùy theo điều kiện thực tế của trường, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ: giảng viên thuyết trình tại lớp, giảng viên hướng dẫn thảo luận giải quyết vấn đề tại lớp, tại xưởng, tại phòng thí nghiệm, thảo luận và làm việc theo nhóm, ... giảng viên đặt vấn đề khi xem phim video ở phòng chuyên đề và sinh viên về nhà viết thu hoạch.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA